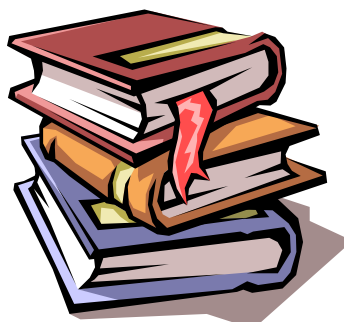


UBND HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG THCS VẠN PHÚC



SỔ LƯU ĐỀ
MÔN: NGỮ VĂN

Năm học 2024 - 2025



MÔN: NGỮ VĂN 6

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại	2	0	2	2	0	1	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân	0	0	0	0	0	0	0	1*	40
Tổng			10	0	10	20	0	20	0	40	100
Tỉ lệ			10%		30%		20%		40%		100%
Tỉ lệ chung			40%				60%				100%

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại.	Nhận biết: - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề của văn bản. - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu. - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện. - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. Vận dụng: - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.	2 TN 1 TL	2 TN 2 TL	1 TL	
2	Viết	Viết bài văn kể lại	Nhận biết: - Xác định được đúng kiểu bài				1TL*

		một trải nghệ m của bản thân - Xây dựng bố cục đầy đủ 3 phần MB-TB-KB với các sự việc chính. Thông hiểu: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm của bản thân. - Trình bày được các sự việc, diễn biến, địa điểm, thời gian, nhân vật, sự việc, hành động, ngôn ngữ. - Tập trung vào sự việc chính. Vận dụng: - Lựa chọn các sự việc, chi tiết tiêu biểu. - Sử dụng ngôn ngữ kể cho phù hợp. - Trình bày được tác động của trải nghiệm đối với bản thân. Vận dụng cao: - Sáng tạo trong cách kể chuyện, vận dụng các biện pháp tu từ, kết hợp các phương thức biểu đạt.... - Biết lựa chọn câu chuyện có ý nghĩa, mang thông điệp sâu sắc...				
Tổng			2TN	2TN 2 TL	1TL	1TL
Tỉ lệ %			10	30	20	40
Tỉ lệ chung			40%		60%	

(Đề có 1 trang)

PHẦN I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi (Từ câu 1 đến câu 4: Lựa chọn chữ cái trước câu trả lời đúng).

Một hôm, đàn Kiến phát hiện một chú Ong nhỏ bị thương đang nằm dưới khóm hoa hồng trong vườn. Ong nhỏ không bay được nữa, đang nằm rên la vì đau. Đàn Kiến tốt bụng ngay lập tức cố gắng nhấc Ong nhỏ lên, tìm cách đưa về nhà. Vài hôm sau, Ong nhỏ đã hồi phục sức khỏe, lại có thể bay lượn tung tăng trong vườn hoa như trước. Ong nhỏ không quên ơn cứu mạng của đàn Kiến. Việc đầu tiên nó làm sau khi khỏi là tặng đàn Kiến một lẵng hoa đầy mật. Nó nói:

- Các bạn Kiến, cảm ơn các bạn đã cứu tôi. Đây là một hoa tươi tôi tặng các bạn, xin hãy nhận lấy, mong các bạn sẽ thích.

Đàn Kiến thấy Ong nhỏ chân thành quá liền nhận món quà đáng quý rồi cùng Ong nhỏ thưởng thức mật hoa ngọt thơm.

(Trích “Mật hoa thơm ngọt” Trương Thái- NXB Thanh niên, 2018)

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo thể loại nào?

- A. Bút ký. B. Truyện đồng thoại. C. Thơ. D. Truyện ngắn.

Câu 2. Trong câu văn “Vài hôm sau, Ong nhỏ đã hồi phục sức khỏe, lại có thể bay lượn tung tăng trong vườn hoa như trước.” có mấy từ láy?

- A. Một từ. B. Hai từ. C. Ba từ. D. Không có từ nào.

Câu 3. Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ hai.
C. Ngôi thứ ba. D. Không có ngôi kể.

Câu 4. Tại sao đàn Kiến lại giúp đỡ chú Ong nhỏ?

- A. Vì đàn Kiến tốt bụng và Ong nhỏ bị thương. B. Vì Ong nhỏ nằm dưới khóm hồng.
C. Vì Ong nhỏ đáng yêu. D. Vì Ong nhỏ không bay được nữa.

Câu 5. Em thích nhất nhân vật nào trong đoạn trích trên? Vì sao?

Câu 6. Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn sau: “Ong nhỏ không quên ơn cứu mạng của đàn Kiến. Việc đầu tiên nó làm sau khi khỏi là tặng đàn Kiến một lẵng hoa đầy mật”.

Câu 7. Từ đoạn trích trên, em rút ra những bài học gì cho mình trong cuộc sống. Hãy trình bày bằng một đoạn văn ngắn khoảng 5 câu.

PHẦN II. VIẾT (4 điểm)

Trong cuộc đời mỗi người chắc hẳn ai cũng có những trải nghiệm sâu sắc. Em hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân khiến em nhớ mãi.

----- Hết-----

Chúc các em hoàn thành tốt bài thi !

PHẦN	HƯỚNG DẪN CHẤM	BIỂU ĐIỂM							
Phần I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)	Từ câu 1 đến câu 4: Mỗi câu trả lời đúng được 0.5 điểm	2							
	<table><tr><td>Câu 1</td><td>Câu 2</td><td>Câu 3</td><td>Câu 4</td></tr><tr><td>B</td><td>A</td><td>C</td><td>A</td></tr></table>		Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	B	A	C
	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4					
	B	A	C	A					
	Câu 5: - HS nêu được nhân vật yêu thích: Có thể là Ong nhỏ hoặc đàn Kiến - HS lí giải vì sao thích: + Đối với đàn Kiến: Tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ người khác khi họ gặp khó khăn + Đối với Ong nhỏ: siêng năng, chăm chỉ, biết ơn những người đã giúp đỡ mình.	0.25 0.75							
Câu 6: - HS chỉ ra biện pháp tu từ: nhân hóa - Tác dụng: + Giúp cho câu văn hay hơn, sinh động hơn. + Làm cho nhân vật Ong nhỏ hiện lên với những tính cách và hành động của con người. + Ong nhỏ biết ơn đàn Kiến đã cứu mạng mình, nó tìm cách trả ơn đàn Kiến từ đó nhắc nhở người đọc bài học về lòng biết ơn, tình yêu thương,...	0.25 0.75								
Câu 7: - Hình thức: HS viết được đoạn văn 3-5 câu, trình bày rõ ràng - Nêu được các ý: + Trong cuộc sống, hãy luôn sẵn sàng giúp đỡ người khác khi họ gặp khó khăn. Điều đó sẽ làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên tốt đẹp hơn. + Khi nhận được sự giúp đỡ của người khác thì cần biết ơn và có hành động đền đáp công ơn với họ bằng thái độ và tình cảm chân thành nhất. - <i>Chấp nhận những bài viết rút ra bài học có tính chất sáng tạo và góc nhìn phù hợp từ phía học sinh.</i>	0.5 0.75 0.75								
	a. Yêu cầu chung: Học sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về dạng bài văn kể chuyện để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; hiểu biết về văn bản; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.	1.0							

Phần II. VIẾT (4 điểm)	b. Yêu cầu cụ thể: Đảm bảo cấu trúc của một bài văn kể chuyện: Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. - Ngôi kể thứ 1. - Tập trung vào sự việc đã xảy ra..... Nội dung: *Mở bài: Giới thiệu nội dung kể (HS có thể viết từ 3-4 câu giới thiệu ấn tượng về trải nghiệm của em; nếu viết thư thì thêm ngày tháng, lời thưa gửi bày tỏ tình cảm và câu dẫn...) *Thân bài: Kể lại trải nghiệm vui của em (Trải nghiệm của em diễn ra khi nào, ở đâu và cùng với ai? Sự việc chính?) - Học sinh sẽ phải nêu được thời gian, địa điểm, nhân vật, sự việc... em đã trải qua những gì? - Viết từ 10-12 câu nêu những gì em thấy, em làm, cảm giác khi đó, điều khiến em rung động, những câu văn miêu tả, cảm xúc; những từ ngữ liên kết câu; lời đối thoại... *Kết bài: Bài học từ trải nghiệm (Em có được gì từ trải nghiệm đó? Những cảm xúc, suy nghĩ nào đọng lại trong em...) HS viết từ 4-5 câu văn.	0.5 2.0 0.5
--	---	---

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ lục bát	2	0	2	2	0	1	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			10	10	10	30	0	30	0	10	100
Tỉ lệ			20%		40%		30%		10%		100%
Tỉ lệ chung			60%				40%				100%

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ lục bát	Nhận biết: - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu. Thông hiểu: - Bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. Vận dụng: - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.	2 TN 1 TL	2 TN 2 TL	1 TL	
2	Viết	Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân	Nhận biết: - Xác định được đúng kiểu bài - Xây dựng bố cục đầy đủ 3 phần MB-TB-KB với các sự việc chính. Thông hiểu: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm của bản thân. - Trình bày được các sự việc, diễn biến, địa điểm, thời gian, nhân vật, sự việc, hành động, ngôn ngữ. - Tập trung vào sự việc chính. Vận dụng:				1TL*

		- Lựa chọn các sự việc, chi tiết tiêu biểu. - Sử dụng ngôn ngữ kể cho phù hợp. - Trình bày được tác động của trải nghiệm đối với bản thân. Vận dụng cao: - Sáng tạo trong cách kể chuyện, vận dụng các biện pháp tu từ, kết hợp các phương thức biểu đạt.... - Biết lựa chọn câu chuyện có ý nghĩa, mang thông điệp sâu sắc...				
Tổng			2TN 1TL*	2TN 2 TL 1TL*	1TL 1TL*	1TL*
Tỉ lệ %			20	40	30	10
Tỉ lệ chung			60		40	

PHẦN I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm) Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi (Từ câu 1 đến câu 4:
Lựa chọn chữ cái trước câu trả lời đúng).

Lặng rồi cả tiếng con ve,
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời,
Kéo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru.
Lời ru có gió mùa thu,
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia,
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn,
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Mẹ, Trần Quốc Minh, Theo *Thơ chọn với lời bình*, NXB Giáo dục, 2002, tr.28 - 29)

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ 4 chữ. B. Thơ 5 chữ. C. Thơ lục bát. D. Thơ tự do.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là gì?

- A. Tự sự. B. Biểu cảm.
C. Miêu tả. D. Nghị luận.

Câu 3. Trong câu thơ “Lời ru có gió mùa thu/Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về” có mấy từ ghép?

- A. Một từ. B. Hai từ. C. Ba từ. D. Không có từ nào.

Câu 4. Trong bài thơ, những âm thanh nào được nhắc đến?

- A. Tiếng ve, tiếng gió. B. Tiếng ve, tiếng ru ạ ời.
C. Tiếng võng, tiếng gió. D. Tiếng ve, tiếng võng, lời hát ru.

Câu 5. Ngoài bài thơ trên vẫn còn nhiều câu ca dao, câu thơ viết về mẹ. Hãy ghi lại một số câu ca dao, câu thơ mà em yêu thích viết về tình mẹ - một thứ tình cảm vô cùng đẹp đẽ và thiêng liêng.

Câu 6. Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Đêm nay con ngủ giấc tròn,
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

Câu 7. Nêu nội dung chính của bài thơ trên. Từ bài thơ, em rút ra bài học gì cho bản thân? Hãy trình bày bằng một đoạn văn ngắn khoảng 5-7 câu.

PHẦN II. VIẾT (4 điểm)

Trong cuộc đời mỗi người chắc hẳn ai cũng có những trải nghiệm sâu sắc. Em hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm với một người bạn thân khiến em nhớ mãi.

----- Hết-----
Chúc các em hoàn thành tốt bài thi !

PHẦN	HƯỚNG DẪN CHẤM	BIỂU ĐIỂM							
Phần I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)	Từ câu 1 đến câu 4: Mỗi câu trả lời đúng được 0.5 điểm	2đ							
	<table><tr><td>Câu 1</td><td>Câu 2</td><td>Câu 3</td><td>Câu 4</td></tr><tr><td>C</td><td>B</td><td>C</td><td>D</td></tr></table>		Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	C	B	C
	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4					
	C	B	C	D					
	Câu 5: HS ghi lại được những câu ca dao, câu thơ viết về mẹ (trích ca dao, thơ ít nhất trong 2 bài) Ví dụ: - Mẹ là cơn gió mùa thu Cho con mát mẻ lời ru năm nào Mẹ là đêm sáng trăng sao Soi đường chỉ lối con vào bến mơ - Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Một lòng thờ mẹ kính cha, Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.	1đ							
Câu 6: - HS chỉ ra biện pháp tu từ: so sánh. (Tác giả so sánh mẹ với ngọn gió) - Tác dụng: + Làm cho câu thơ hấp dẫn, sinh động, giàu cảm xúc + Tác giả so sánh “mẹ” với “ngọn gió”. Ngọn gió đem đến sự mát mẻ cho con trong giấc ngủ cũng như mẹ mang đến cho con những điều đẹp dễ nhất, bình yên nhất. Biện pháp so sánh cho thấy sự hy sinh cao cả của mẹ dành cho con, đồng thời cũng cho thấy sự biết ơn của những đứa con với người mẹ của mình.	0.25								
Câu 7: - Hình thức: HS viết được đoạn văn 5-7 câu, trình bày rõ ràng - Nêu được các ý: + Nội dung chính của bài thơ là những hy sinh của mẹ dành cho các con của mình, tình yêu thương bao la của mẹ dành cho các con. Đồng thời, bài thơ cũng thể hiện lòng biết ơn của các con với mẹ, với đức hy sinh to lớn của mẹ. + Bài học mà em rút ra được đó chính là tình yêu thương của mẹ là tình cảm vô điều kiện, vĩ đại mà bất cứ người con nào cũng phải trân trọng trên cõi đời này. Và em sẽ cố gắng học hành thật chăm chỉ, thật giỏi giang, ngoan ngoãn để có thể làm mẹ vui lòng. Em sẽ thành đạt,	0.75								

	trở thành người tốt để đền đáp công ơn sinh thành và dưỡng dục của mẹ dành cho mình. - <i>Chấp nhận những bài viết rút ra bài học có tính chất sáng tạo và góc nhìn phù hợp từ phía học sinh.</i>	
Phần II. VIẾT (4 điểm)	a. Yêu cầu chung: Học sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài văn kể chuyện để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; hiểu biết về văn bản; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. b. Yêu cầu cụ thể: Đảm bảo cấu trúc của một bài văn kể chuyện: Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. - Ngôi kể thứ 1. - Tập trung vào sự việc đã xảy ra..... Nội dung:	1.0
	*Mở bài: Giới thiệu trải nghiệm đáng nhớ (HS có thể viết từ 3-4 câu giới thiệu ấn tượng về trải nghiệm của em với người bạn thân...)	0.5
	*Thân bài: Kể lại trải nghiệm vui/buồn của em (Trải nghiệm của em diễn ra khi nào, ở đâu và cùng với ai? Sự việc chính?) - Học sinh sẽ phải nêu được thời gian, địa điểm, nhân vật, sự việc... em đã trải qua những gì? (kết hợp với yếu tố miêu tả trong bài kể chuyện) - Viết từ 10-12 câu nêu những gì em thấy, em làm, cảm giác khi đó, điều khiến em rung động, những câu văn miêu tả, cảm xúc; những từ ngữ liên kết câu; lời đối thoại...	2.0
	*Kết bài: Bài học từ trải nghiệm (Em có được gì từ trải nghiệm đó? Những cảm xúc, suy nghĩ nào đọng lại trong em...) HS viết từ 3- 4 câu văn.	0.5

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyện thuyết, cổ tích,...)	2	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Đóng vai một nhân vật kể lại một câu truyện cổ tích	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	20	15	0	30	0	10	100%
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (Truyện thuyết, cổ tích,...)	- Nhận thức được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện truyền thuyết; chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời kể nhận vật. - Nhận biết được người kể chuyện và ngôi kể. Thông hiểu: - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu - Xác định được nghĩa của từ thông dụng. - Xác định được biện pháp nghệ thuật của văn bản. Vận dụng: - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa hoặc đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. - Rút ra được những ý nghĩa từ văn bản.	Nhận biết 2TN	Thông hiểu 4TN	Vận dụng 2TL	Vận dụng cao
2	Viết	Đóng vai nhân vật kể lại một câu chuyện cổ tích	Nhận biết: Xác định được đúng kiểu bài, ngôi kể, bố cục, yêu cầu của đề bài,... Thông hiểu: Xác định được cốt truyện, sắp xếp sự việc, lựa chọn trình tự hợp lý,... Vận dụng: - Sử dụng ngôn ngữ phù hợp. - Rút ra được ý nghĩa từ câu truyện mình kể Vận dụng cao: - Sáng tạo trong cách kể, kết hợp các phương thức biểu đạt <i>* Viết được bài văn đóng vai nhân vật kể lại một câu chuyện cổ tích. Sử dụng ngôi kể thứ nhất, kể bằng ngôn ngữ của mình trên cơ sở tôn trọng cốt truyện.</i>	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				2TN	4TN	2TL	1TL
Tỉ lệ %				25	35	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

(Đề có 01 trang)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Ngày xưa có một người tên là Yết Kiêu ở làng Hạ Bì làm nghề đánh cá. Một hôm, ông ta đi dọc theo bờ biển về làng bỗng thấy trên bãi có hai con trâu đang ghi sừng húc nhau dưới bóng trăng khuya. Sẵn đòn ống, ông cầm xông lại phang mạnh mấy cái vào mình chúng nó. Tự dưng hai con trâu chạy xuống biển rồi biến mất. Ông rất kinh ngạc đoán biết là trâu thần. Khi nhìn lại đòn ống thì thấy có mấy cái lông trâu dính vào đấy. Ông mừng quá bỏ vào miệng nuốt đi. Từ đó sức khỏe của Yết Kiêu vượt hẳn mọi người, không một ai dám đương địch. Đặc biệt là có tài lội nước. Mỗi lần ông lặn xuống biển bắt cá, người ta cứ tưởng như ông đi trên đất liền. Nhiều khi ông sống ở dưới nước luôn sáu bảy ngày mới lên.

Hồi ấy có quân giặc ở nước ngoài sang cướp nước ta. Chúng cho một trăm chiếc tàu lớn tiến vào cửa biển Vạn Ninh vây bọc, bắt tất cả thuyền bè, đốt phá chà lười. Đi đến đâu, chúng cướp của giết người gây tang tóc khắp mọi vùng duyên hải. Chiến thuyền nhà vua ra đối địch bị giặc đánh đắm mất cả. Nhà vua rất lo sợ, sai rao trong thiên hạ ai có cách gì lui được giặc dữ sẽ phong cho quyền cao chức trọng.

Yết Kiêu bèn tìm đến tâu vua rằng: “Tôi tuy tài hèn sức yếu nhưng cũng quyết cho lũ chúng nó vào bụng cá”. Vua hỏi: “Nhà ngươi cần bao nhiêu người? bao nhiêu thuyền bè?”. “Tàu bè hạ” - ông đáp - “Chỉ một mình tôi cũng có thể đương được với chúng nó”. Nhà vua mừng lắm, liền phong cho ông làm Đô thống cầm thủy quân đánh giặc”.

(Nguồn: <https://truyen-dan-gian/yet-kieu.html>)

Câu 1. Đoạn trích trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyện đồng thoại
- B. Truyện cổ tích
- C. Truyện truyền thuyết
- D. Truyện ngụ ngôn

Câu 2. Câu chuyện trong đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ ba
- C. Ngôi thứ hai
- D. Ngôi thứ nhất số nhiều

Câu 3. Đoạn trích trên đã kể về sự việc nào?

- A. Hoàn cảnh xuất hiện và thân thế của Yết Kiêu
- B. Chiến công phi thường của Yết Kiêu
- C. Công trạng đánh giặc của Yết Kiêu
- D. Tài năng xuất chúng của Yết Kiêu

Câu 4. Cụm từ “*quyền cao chức trọng*” có nghĩa là gì?

- A. Người có của ăn, của để và luôn được mọi người kính nể
- B. Người có chức sắc cao, quyền thế lớn, có địa vị cao trong xã hội cũ
- C. Người giàu có nhưng không có chức quyền, vị thế, không được lòng người
- D. Người có uy tín trước mọi người, được mọi người tôn vinh.

Câu 5. Qua văn bản, em nhận thấy nhân vật Yết Kiêu là người như thế nào?

Câu 6. Chỉ ra ít nhất một chi tiết kì ảo có trong đoạn trích trên liên quan đến nhân vật Yết Kiêu. Theo em chi tiết đó có ý nghĩa như thế nào?

Câu 7. Từ câu nói của Yết Kiêu “*Tôi tuy tài hèn sức yếu nhưng cũng quyết cho lũ chúng nó vào bụng cá*”, em hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trả lời câu hỏi: Để công hiến, giúp ích cho cộng đồng em thấy bản thân mình cần phải rèn luyện những phẩm chất, năng lực gì?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Mỗi truyện cổ tích đều mang đến cho ta những điều kì diệu. Em hãy đóng vai một nhân vật trong truyện cổ tích đã học và kể lại câu chuyện đó.

----- Hết -----

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		6,0
	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	- Yết Kiêu là người có sức khỏe, mạnh mẽ, tài trí, tài năng hơn người, dũng cảm, có tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.	1,0
	6	- Hs chỉ cần chỉ ra một chi tiết kì ảo: + Nhờ nhặt được và nuốt mấy cái lông trâu mà sức khỏe của Yết Kiêu vượt hẳn mọi người, không một ai dám đương địch. + Mỗi lần ông lặn xuống biển bắt cá, người ta cứ tưởng như ông đi trên đất liền. Nhiều khi ông sống ở dưới nước luôn sáu bảy ngày mới lên. - Ý nghĩa: + Làm cho câu chuyện thêm lung linh, kì ảo; thể hiện trí tưởng tượng bay bổng của người xưa. + Các chi tiết này nhằm “thần thánh hóa” năng lực chiến đấu tài giỏi của người anh hùng; tăng sự tôn kính, ngưỡng vọng với người đã được phong thần hóa thánh.. 	1,0
II	7	Để cống hiến, giúp ích cho cộng đồng em thấy bản thân mình cần phải rèn luyện những phẩm chất, năng lực: - Biết tự hào về lịch sử và truyền thống yêu nước của dân tộc. - Có ước mơ, khát vọng cao đẹp. - Cần phải rèn luyện phẩm chất: Dũng cảm, dám đấu tranh bảo vệ lẽ phải. - Chăm chỉ, tự chủ, sáng tạo trong học tập...	2,0
	VIẾT		4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự		0,25
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể lại một câu chuyện cổ tích		0,25
	c. Kể lại câu chuyện HS có thể triển khai câu chuyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Dùng ngôi thứ nhất để kể. - Giới thiệu tên truyện và nêu lý do muốn kể truyện - Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. - Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra từ lúc mở đầu cho đến lúc kết thúc theo trình tự thời gian. - Sự tiếp nối của các sự việc được trình bày mạch lạc và hợp lí. - Thể hiện được các yếu tố kì ảo trong truyện. - Nêu cảm nghĩ về câu chuyện.		2,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.		0,5
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.		0,5



MÔN: NGỮ VĂN 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ năm chữ (viết về mẹ)	2	0	2	0	0	2	0		40
2	Viết	+ Viết đoạn văn NLXH + Viết đoạn văn cảm thụ về bài thơ	0	0	0	0	0	3	0	3	60
Tổng			20	0	20	0	0	30	0	30	100
Tỉ lệ %			20		20%		30%		30%		
Tỉ lệ chung			40%				60%				

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ năm chữ (viết về mẹ)	Nhận biết: - Thề thơ. - Nhận biết số từ trong bài thơ Thông hiểu: - Hiểu được nội dung câu thơ. - Xác định được biện pháp tu từ. Vận dụng: - Nêu chủ đề bài thơ. - Rút ra bài học từng bài thơ.	2 TN	2TN	2TL	
2	Viết	+ Viết đoạn văn NLXH + Viết đoạn văn cảm thụ về bài thơ	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: + Viết đoạn văn NLXH + Viết đoạn văn cảm thụ về bài thơ				2TL*
Tổng				2TN	2TN	2 TL	2 TL
Tỉ lệ %				20	20	30	30
Tỉ lệ chung				40		60	

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

MẸ VẮNG NHÀ NGÀY BÃO

Mấy ngày mẹ về quê
Là mấy ngày bão nổi
Con đường mẹ đi về
Cơn mưa dài chặn lối.

Hai chiếc giường ướt một
Ba bố con nằm chung
Vẫn thấy trống phía trong
Nằm ấm mà thao thức.

Nghĩ giờ này ở quê
Mẹ cũng không ngủ được
Thương bố con vụng về
Củi mùn thì lại ướt.

Nhưng chị vẫn hái lá
Cho thỏ mẹ, thỏ con
Em thì chăm đàn ngan
Sớm lại chiều no bữa
Bố đội nón đi chợ
Mua cá về nấu chua...

Thế rồi cơn bão qua
Bầu trời xanh trở lại
Mẹ về như nắng mới
Sáng ấm cả gian nhà.

*Tác giả: **Đặng Hiển**.
(Trích Hồ trong mây)*

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5đ). Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?

- A. Thơ lục bát B. Thơ bốn chữ C. Thơ năm chữ D. Thơ tự do

Câu 2 (0,5đ). Cụm từ " Hai chiếc giường " thuộc cụm từ nào sau đây?

- A. Cụm danh từ B. Cụm động từ C. Cụm tính từ D. Cụm chủ vị

Câu 3 (0,5đ). Câu thơ nào nói lên niềm vui của cả nhà khi mẹ về?

- A. Nhiều ngày mẹ về quê B. Thế rồi cơn bão qua
C. Bầu trời xanh trở lại D. Mẹ về như nắng mới

Câu 4 (0,5đ). Câu thơ nào dưới đây có hình ảnh so sánh?

- A. Cơn mưa dài chặn lối. B. Bố đội nón đi chợ.
C. Mẹ về như nắng mới D. Mẹ cũng không ngủ được

Câu 5 (0,5đ). Chủ đề của bài thơ này là gì ?

Câu 6 (1,5đ). Hãy rút ra bài học gì sau khi đọc bài thơ?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 7 (3 điểm): Dựa vào bài thơ trên cùng với những hiểu biết, hãy viết đoạn văn (khoảng 12 câu) bày tỏ tình cảm của em dành cho người mẹ thân yêu.

Câu 8 (3 điểm): Hiện nay bạo lực học đường đang là một vấn nạn, em hãy viết đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy thi) bày tỏ suy nghĩ, quan điểm của em về vấn đề này.

-----Hết-----

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	D	0,5
	4	C	0,5
	5	Tình cảm nhớ thương của người con dành cho mẹ.	0,5
	6	- HS nêu được bài học từ ý nghĩa của bài thơ: lòng biết ơn người mẹ đã hi sinh cho gia đình; biết đoàn kết giúp đỡ anh chị em khi gia đình gặp khó khăn.	1,5
II		VIẾT	6,0
	Câu 1	Viết đoạn văn (khoảng 12 câu) bày tỏ tình cảm của em dành cho người mẹ thân yêu.	3.0
		a. Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Tình cảm của em dành cho người mẹ thân yêu	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS triển khai sự việc theo trình tự hợp lí, cần vận dụng tốt các phương thức biểu đạt: miêu tả, tự sự.	
		- Em luôn dành tất cả tình yêu thương, kính trọng, quý quý nhất dành cho mẹ yêu dấu của mình - Mẹ là một người phụ nữ vĩ đại - Mẹ quan tâm đến em từ những bữa ăn, giấc ngủ. - Biết bao vất vả ngoài kia mẹ chần hết, chắt chiu từng giọt sương vui, đọng đầy thành bể mà nuôi em khôn lớn - Em mong mẹ luôn khỏe mạnh và sống thật lâu, thật lâu mãi bên em. Để mỗi ngày em lại được nghe tiếng nói dịu dàng, ấm áp của mẹ.	2
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.	0,25

	Câu 2	Hiện nay bạo lực học đường đang là một vấn nạn, em hãy viết đoạn văn(khoảng 2/3 trang giấy thi) bày tỏ suy nghĩ, quan điểm của em về vấn đề này	3đ
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn NLXH:</i> Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Bạo lực học đường là một vấn nạn	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS triển khai sự việc theo trình tự hợp lí, cần vận dụng tốt các phương thức biểu đạt: Tự sự , chứng minh, giải thích....	2
		1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề Bạo lực học đường 2. Thân đoạn: - Bạo lực học đường là gì? - Nêu biểu hiện và thực trạng. - Tác hại của bạo lực học đường. - Nguyên nhân của bạo lực học đường. - Đề xuất biện pháp khắc phục. - Bàn luận, nêu suy nghĩ của em về bạo lực học đường: (Em phản đối như thế nào? Có hành động gì?) 3. Kết đoạn: Suy nghĩ chung về bạo lực học đường, rút ra bài học cho bản thân.	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.	0,25

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	2	0	2	1	0	2	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			10	10	10	30	0	30	0	10	100%
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận biết			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể. - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể. - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng:	2TN	2TN 1TL	2TL	

			- Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm.				
2	Viết	Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm Thông hiểu: Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức Vận dụng: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật. Bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, làm sáng tỏ được những cảm xúc mà tác phẩm thể hiện. Vận dụng cao: Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.	1*	1*	1*	1TL
Tổng				2TN	2N 1TL	3TL	1TL*
Tỉ lệ %				20%	40%	30%	10%
Tỉ lệ chung				60		40	

(Đề có 02 trang – 08 câu)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

CHIẾC ĐÈN ÔNG SAO

Thằng Tùng ôm khư khư chồng báo trước ngực. Nó len lỏi đi dọc đường Hàng Mã rồi xuôi theo phố Lương Văn Can. Đèn điện sáng trưng. Một thế giới của tuổi thơ ở đây. Đủ các loại đồ chơi. Những chiếc đèn lồng, đèn ông sao treo kín lối đi, xếp đầy trong thùng giấy, tràn cả xuống lòng đường.

Dòng người, dòng xe đi mua sắm quà trung thu rất đông. Thằng Tùng thần thờ nhìn. Có cậu bé, cô bé cũng chỉ trạc tuổi nó ngồi trên những chiếc xe máy đắt tiền bắt bố mẹ đi hết cửa hàng này sang cửa hiệu nọ để chọn mua đồ chơi. Những thứ đồ chơi cao cấp giá hàng trăm, hàng triệu đồng mà chúng vẫn chê khiến bố mẹ chúng phải chạy xe lòng vòng mãi.

Nhìn những chiếc đèn ông sao bày la liệt bên đường, thằng Tùng chỉ ước ao có được một chiếc. Nó và em Bi sẽ chơi chung. Nhất định nó sẽ nhường cho cu Bi cầm lâu hơn...

Chợt nhớ tới chồng báo còn nặng trên tay, thằng Tùng vội cất tiếng rao. Giọng nó đã khản đặc:

- Ai... báo... đây...! Báo công an, báo pháp luật, báo an ninh thủ đô... một vụ... giết... người... hai vụ... cướp... hiếp... đây...

Không ai gọi mua báo. Thằng Tùng thấy lo lắng. Báo không bán hết phải trả lại đại lý thì sẽ bị khấu trừ vào số tiền những tờ đã bán được, lời lãi chả còn là bao. "Nhưng thôi... - Nó nghĩ - ... cũng vẫn đủ tiền ăn một ngày của hai anh em nó". Mẹ nó đang ốm mệt không gánh hàng rong vào phố được, chỉ loanh quanh ở cái chợ ngoài bãi sông quét dọn, rửa bát thuê. Chắc giờ này trong gian nhà nhỏ ở chân đê mẹ và cu Bi đang mong nó về. Nó lại định cất tiếng rao thì có người gọi:

- Ê... báo! Còn "Mua và bán" không?

Một bà chủ cửa hiệu bên đường vẫy nó. Thằng Tùng mừng quýnh:

- Dạ! Còn... còn ạ!

Thằng Tùng rút tờ "Mua và bán" đưa cho bà chủ cửa hiệu. Nhận tiền xong nó vừa định bước đi thì bà ta lại bảo:

- Khênh giúp cái thùng đèn ông sao kia vào trong nhà! Hết khách rồi...

- Vâng ạ!

Thằng Tùng đáp và đặt tập báo xuống bậc cửa. Vừa bám vào cái thùng các-tông định cùng bà chủ hiệu đẩy lên nhà thì nó vội kêu lên:

- Khoan đã bà ơi! Có một chiếc đèn ông sao bị rơi ra ngoài, kéo thùng qua thì hỏng mất.

- Rơi đâu mà rơi! Cái thằng oắt con lúc này bố mẹ mua cho rồi lại chê đập bẹp vứt đi đấy...

- Bà cho cháu nhé!

- Mà lấy thì lấy đi! Nó bị bẹp mất một cánh rồi!

Thằng Tùng sung sướng chộp lấy chiếc đèn ông sao đang nằm lăn lóc dưới đất. Nó cẩn thận đặt chiếc đèn lên trên chồng báo rồi giúp bà chủ hiệu đưa thùng hàng vào nhà.

Cầm chiếc đèn ông sao bị bẹp một cánh trên tay thằng Tùng cứ ngắm nghía mãi. Nó tính sẽ lấy một chiếc que lửa vào bên trong chiếc đèn nắn cho cái cánh bị bẹp phồng lên như cũ. Thế là tết trung thu này hai anh em nó sẽ có một cái đèn ông sao rồi. Thằng Tùng thấy lòng mình lâng lâng. Cu Bi giờ này chắc cũng đã ngủ. Thằng Tùng chợt nảy ra một ý nghĩ. Nó sẽ giấu thật kỹ chiếc đèn ông sao, chờ đến đúng đêm trung thu mới lấy ra, chắc chắn cu Bi sẽ bị bất ngờ và thích thú lắm.

Thằng Tùng về đến nhà thì trăng đã lên cao. Ánh trăng mùa thu lấp loá trên sóng nước sông Hồng...

(Hà Nội, Trung thu 2009 - Theo truyện ngắn Trọng Bảo)

Câu 1. Văn bản trên viết theo thể loại nào?

- A. Tiểu thuyết.
- B. Truyện ngắn.
- C. Nghị luận.
- D. Truyện cổ tích.

Câu 2. Chủ đề của văn bản là gì?

- A. Lòng dũng cảm.
- B. Tinh thần lạc quan.
- C. Tinh thần đoàn kết
- D. Lòng yêu thương con người.

Câu 3. Đâu là thành phần vị ngữ trong câu “Dòng người, dòng xe đi mua sắm quà trung thu rất đông”?

- A. Đi mua sắm quà trung thu rất đông.
- B. Dòng xe đi mua sắm quà trung thu rất đông.
- C. Mua sắm quà trung thu rất đông.
- D. Quà trung thu rất đông.

Câu 4. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất.
- B. Ngôi thứ hai.
- C. Ngôi thứ ba.
- D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 5: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu sau: “Những chiếc đèn lồng, đèn ông sao treo kín lối đi, xếp đầy trong thùng giấy, tràn cả xuống lòng đường”

Câu 6: Nếu em là nhân vật Tùng, em hành động như thế nào khi được bà chủ cho chiếc đèn ông sao hồng? Vì sao?

Câu 7: Hãy viết đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nêu bài học em rút ra từ câu chuyện trên và liên hệ bản thân.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn (khoảng 400 chữ) phân tích nhân vật Tùng trong truyện “Chiếc đèn ông sao” của tác giả Trọng Bảo

----- Hết -----

Chúc các em làm bài thi tốt!

Học sinh **không** được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	- Biện pháp tu từ: + Liệt kê: “đèn lồng”, “đèn ông sao” + Điệp từ: “đèn” - Tác dụng: + Giúp câu văn thêm mạch lạc và có tính biểu cảm + Tạo nên bầu không khí rộn ràng, nhộn nhịp của dịp lễ hội, gợi cảm giác đông vui đầy màu sắc. + Nhấn mạnh hình ảnh những chiếc đèn – biểu tượng đặc trưng của lễ hội. + Tạo nhạc điệu hài hòa, làm câu văn thêm sinh động.	1,5
	6	- Hành động khi được nhận chiếc lồng đèn hồng: + Nhận chiếc lồng đèn hồng mà bà chủ cho + Thích thú và luôn giữ gìn nó thật kỹ và trân trọng nó - Vì: + Nó là đồ bỏ đi, là đồ chơi rẻ tiền nhưng lại là tài sản vô giá đối với Tùng. + Hy vọng chiếc lồng đèn ấy sẽ thắp sáng hy vọng cho cuộc sống nghèo đói của gia đình em.	1,0
	7	* Đúng hình thức đoạn văn, đủ dung lượng * Nhưng cần đảm bảo các nội dung: - Câu chuyện là một bài học về tình yêu thương con người. - Lòng hiếu thảo, quan tâm yêu thương gia đình của Tùng và phẩm chất cao đẹp của những con người nghèo khó trong xã hội. - Tuy nghèo vật chất nhưng không nghèo về tình cảm - Họ lấy tình cảm để chia sẻ, bao bọc đỡ đần nhau. - Càng thêm thương yêu những người có hoàn cảnh bất hạnh, khó khăn - Tham gia các hoạt động từ thiện, ủng hộ các bạn có hoàn cảnh khó khăn.	1,5
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề Phân tích đặc điểm của nhân vật trong tác phẩm văn học	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo yêu cầu sau:	

	- Giới thiệu được tác giả, nhân vật trong tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về nhân vật. - Chỉ ra đặc điểm của nhân vật dựa trên các luận điểm, lí lẽ trong tác phẩm: * <i>Cảm thương với nhân vật bởi hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn:</i> + <i>Kiểm sống bằng cách bán báo, trong khi mẹ đang ốm.</i> + <i>Cùng với em Bi, Tùng sống trong một văn nhà lụp xụp ven sông</i> + <i>Giọng khàn đặc, chỉ mong muốn nhỏ nhoi là có được chiếc đèn ông sao vào đêm trung thu => Điều này càng làm rõ hơn hoàn cảnh củ Tùng: nghèo khó, vất vả.</i> * <i>Bản lĩnh và ý chí nghị lực mạnh mẽ:</i> + <i>Kiên trì bán báo và sẵn sàng giúp đỡ người khác.</i> + <i>Khao khát sở hữu chiếc đèn ông sao vào đêm Trung Thu.</i> + <i>Khi được nhận chiếc đèn ông sao cũ, bị bóp một cánh, Tùng cẩn thận sửa chữa, quyết tâm giữ lại món quà cho đêm Trung Thu.</i> => <i>Đại diện cho tinh thần lạc quan, nghị lực trong cuộc sống.</i> * <i>Tình yêu thương của Tùng dành cho em Bi</i> + <i>Cậu cố gắng sửa chiếc đèn ông sao cũ không chỉ cho bản thân, mà còn cho em.</i> + <i>Giấu chiếc đèn cẩn thận để đến đúng đêm Trung thu mới lấy ra, nhằm tạo bất ngờ cho em Bi.</i> => <i>Tình yêu thương của Tùng dành cho em Bi chính là điểm sáng trong câu chuyện, khiến người đọc không khỏi cảm động và suy nghĩ về giá trị của tình cảm gia đình, tình anh em trong cuộc sống.</i> - Nhận xét được về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn - Nêu ấn tượng và đánh giá nhân vật.	2,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật, bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục	0,5

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn	2	0	2	1	0	1	0	0	40
2	Viết	Nêu bài học được rút ra từ câu truyện	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	60
		Nghị luận về một vấn đề trong đời sống	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	
Tổng			10	5	10	15	0	30	0	30	100%
Tỉ lệ %			15%		25%		30%		30%		
Tỉ lệ chung			40%				60%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận biết			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn - Xác định được phép liên kết, thành ngữ, biện pháp tu từ được sử dụng trong câu. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. Vận dụng: - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện thái độ đồng tình/không đồng tình/ đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm	2TN	2 TN 1TL	1TL	
2	Viết	Nghị luận về một vấn	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	1*	1*		

		đề trong đời sống	Thông hiểu: Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức Vận dụng: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. Bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, làm sáng tỏ được vấn đề nghị luận. Vận dụng cao: Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.			1*	2TL*
Tổng				2TN	2TN 1TL	1TL	2TL*
Tỉ lệ %				15%	25%	30%	30%
Tỉ lệ chung				40%		60%	

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi

NGƯỜI LÁI BUÔN VÀ CON LỪA

Người lái buôn phải thường xuyên vào thành để mua đồ, và chất lên vai Lừa để trở về nhà. Con Lừa của người lái buôn nghĩ rằng mình rất thông minh, lúc nào cũng thích động não, nghĩ mọi cách để có thể khiến cho đồ mình phải chở càng nhẹ càng tốt.

Một lần, người lái buôn mua một tải muối. Ông ta buộc tải thật chặt, chất lên lưng Lừa, rồi đi đằng sau thúc Lừa đi nhanh. Đi được một lúc, người lái buôn và Lừa đi đến một con sông nhỏ, người lái buôn thúc Lừa lội xuống nước. Lừa không cẩn thận đã bị trượt chân, ngã xuống nước. Nước sông đã ngấm vào miệng tải muối khiến cho muối bị tan ra rất nhiều.

Khi Lừa ta đứng dậy thì phát hiện ra tải muối mà mình chở đã nhẹ hơn rất nhiều, trong lòng cảm thấy thích chí lắm. Có được kinh nghiệm lần này, mỗi lần qua sông, Lừa ta đều giả vờ trượt chân ngã để cho bớt một ít đồ trên lưng xuống sông. Người lái buôn biết vậy, định bụng sẽ phạt Lừa. Người lái buôn vào trong thành mua một tải bông, và chất lên lưng Lừa. Lại một lần nữa đi qua con sông nhỏ, nhìn thấy sông, Lừa ta vui mừng thầm reo lên, không ngần ngại bước xuống sông. Khi đến giữa sông, Lừa ta lại giả vờ trượt chân ngã. Lừa sung sướng nghĩ: "Khi mà mình đứng lên chắc chắn đồ trên lưng mình sẽ nhẹ hơn rất nhiều đây".

Nhưng khi Lừa ta vừa mới đứng dậy, đột nhiên thấy đồ trên lưng mình nặng hơn trước rất nhiều. Thì ra, tải bông sau khi hút nước đã trở nên nặng hơn trước rất nhiều. Lừa ta không ngờ trên lưng tải bông nặng như vậy, đành cúi đầu ngậm ngùi đi tiếp không dám than vãn gì.

Trong cuộc sống, thành quả luôn đi kèm với nỗ lực, nỗ lực bao nhiêu thì thành quả đạt được bấy nhiêu, vì vậy không nên vì lười biếng mà gian trá, không cố gắng thực hiện đúng chức phận của mình. Lười biếng, thoái thác công việc sẽ phải nhận hậu quả thích đáng.

(<https://sachhay24h.com/top-truyen-ngu-ngon-hay-va-y-nghia>)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại truyện nào?

A. Truyện cổ tích

B. Truyện truyền thuyết

C. Truyện ngụ ngôn

D. Truyện cười

Câu 2. Phép liên kết nào được sử dụng trong hai câu sau: “*Một lần, người lái buôn mua một tải muối. Ông ta buộc tải thật chặt, chất lên lưng Lừa, rồi đi đằng sau thúc Lừa đi nhanh*”.

A. Phép lặp

B. Phép thế

C. Phép nối

D. Phép đồng nghĩa

Câu 3. Lừa đã nhận được lại điều gì khi giả vờ trượt chân ngã ở sông?

A. Phải chờ bông ngấm nước rất nặng mà không dám than vãn.

B. Lần sau không phải chờ muối.

C. Lần sau chỉ phải chờ bông cho ông chủ, không còn vất vả nữa.

D. Không phải chờ hàng

Câu 4. Thành ngữ, tục ngữ nào sau đây nói chính xác nhất về hậu quả của việc làm của Lừa?

A. Há miệng chờ sung

B. Ăn không ngồi rồi

C. Ăn gian nó giàn ra đấy

D. Điếc tai làng, sáng tai họ

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 5. Theo em cách phạt của người lái buôn với Lừa có đúng không? Vì sao?

Câu 6. Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn “Lừa ta không ngờ trên lưng tải bông nặng như vậy, đành cúi đầu ngậm ngùi đi tiếp không dám than vãn gì”

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Hãy viết đoạn văn ngắn (8 – 10 câu) trình bày bài học em rút ra sau khi đọc câu chuyện trên.

Câu 2. Với sự phát triển không ngừng của xã hội, hiện tượng đáng lo ngại nhất hiện nay là việc “hút thuốc lá điện tử” ở lứa tuổi học sinh. Em hãy viết bài văn khoảng 1,5 trang giấy thi bày tỏ suy nghĩ của mình về hiện tượng trên?

----- Hết -----

Chúc các em làm bài thi tốt!

Học sinh **không** được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	- Cách phạt của người lái buôn với lừa là đúng và hợp lý. - Vì: + Dạy cho lừa một bài học và nhận ra hậu quả về sự lười biếng và gian trá. + Thay vì bạo lực, ông chỉ đổi hàng hóa khiến lừa phải tự rút ra bài học. Đây là một hình thức trừng phạt mang tính giáo dục. + Câu chuyện nhắc nhở rằng mỗi người đều có trách nhiệm với công việc của mình, không nên tìm cách trốn tránh hay gian lận.	1,0
	6	- Biện pháp tu từ: Nhân hóa “ <i>cúi đầu</i> ”, “ <i>ngậm ngùi</i> ”, “ <i>không dám than vãn</i> ” - Tác dụng: + Nhấn mạnh sự hối hận và bất lực của lừa, khiến người đọc cảm nhận rõ bài học mà nó nhận ra. + Gợi lên sự đồng cảm, sự suy ngẫm về hậu quả của sự lười biếng và gian dối. + Làm cho hình ảnh con lừa trở nên sinh động, gần gũi như con người.	1,0
VIẾT			6,0
1		- Hình thức + Trình bày đúng hình thức đoạn văn, đảm bảo về số câu. + Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, không mắc lỗi dùng từ diễn đạt, liên kết chặt chẽ.	0,5
		- Nội dung: * Mở đoạn: - Giới thiệu câu chuyện “Con lừa và bác lái buôn” và nêu khái quát bài học rút ra từ câu chuyện. - Khẳng định bài học có ý nghĩa sâu sắc trong cuộc sống * Thân đoạn: - <i>Nêu nội dung chính câu chuyện:</i> Câu chuyện kể về một con Lừa lười biếng, luôn tìm cách giảm bớt công việc của mình bằng cách giả vờ trượt chân ngã xuống sông để làm nhẹ tải hàng trên lưng. Ban đầu, khi chở muối, Lừa thành công vì muối tan trong nước làm tải hàng nhẹ hơn. Nhưng khi chở bông, Lừa lại gặp hậu quả ngược lại, vì bông hút nước nên trở nên nặng hơn. - <i>Bài học rút ra:</i>	1,5

		+ Trong cuộc sống, nếu lười biếng, trốn tránh trách nhiệm, chúng ta sẽ không đạt được kết quả tốt mà còn có thể gặp rắc rối lớn hơn. + Thành công chỉ đến khi chúng ta làm việc chăm chỉ, không nên tìm cách gian dối để trốn tránh nhiệm vụ. + Mỗi người đều có trách nhiệm của mình, nếu ai cũng lười biếng, thoái thác thì công việc sẽ không thể hoàn thành tốt đẹp. + Trong thực tế, những người lười biếng, gian lận có thể gặp phải hậu quả không lường trước được. + Mỗi người đều có một vai trò, trách nhiệm riêng, nếu ai cũng làm tốt bổn phận của mình, xã hội sẽ phát triển. => Câu chuyện khuyến khích chúng ta sống có trách nhiệm, làm việc nghiêm túc để đạt được thành công bền vững. * Kết đoạn: - Khẳng định lại giá trị bài học đối với mỗi người trong cuộc sống.	
II	2	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Suy nghĩ bản thân đối với sự việc, hiện tượng đáng lo ngại: Hút thuốc lá điện tử của học sinh hiện nay.	0,25
		Dàn ý nghị luận về việc hút thuốc lá điện tử ở học sinh: - Kiểu bài: Nghị luận xã hội - Nội dung: “Viết bài văn bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng hút thuốc lá điện tử ở học sinh” - Yêu cầu: HS có thể trình bày, diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, xong cần đảm bảo 1. Mở bài: - Giới thiệu, dẫn dắt vấn đề - Thể hiện sự đồng tình với ý kiến trên 2. Thân bài: * Giải thích - Thuốc lá điện tử là gì? Làm bằng chất liệu gì? (Thuốc lá được làm từ nguyên liệu chứa nhiều chất độc hại, chất gây nghiện, gây kích thích thần kinh, tạo cảm giác sảng khoái, tỉnh táo) * Thực trạng - Có rất nhiều em học sinh hút thuốc lá điện tử trong và ngoài khuôn viên trường học. Việc hút thuốc lá điện tử hiện nay đang có xu hướng gia tăng mạnh mẽ. + Năm 2019, tỷ lệ hút thuốc lá điện tử ở nhóm học sinh tuổi từ 13-17 tại Việt Nam là 2,6%. + Năm 2020, theo Điều tra tình hình sử dụng thuốc lá năm 2020 tại 34 tỉnh, thành phố của Việt Nam, tỷ lệ nam giới trưởng thành hiện đang sử dụng thuốc lá điện tử là 5,6%, nữ giới trưởng thành sử dụng thuốc lá điện tử là 1%.	2,5

	=> “Mối nguy” đáng báo động cho thế hệ trẻ tương lai của đất nước. * Nguyên nhân - Xuất phát từ nhận thức của chính các em học sinh (còn kém, ham học nhưng chưa nhận thức được tác hại của thuốc lá điện tử). - Coi việc hút thuốc như một cách khẳng định sự trưởng thành, chín chắn và nhân cách của mình. - Tâm lý ganh đua, bắt chước bạn bè. Rủ bạn bè dẫn đến nghiện thuốc lá điện tử. - Giáo dục gia đình của nhà trường buông lỏng, quản lý học sinh chưa chặt chẽ (thiếu sự quan tâm của gia đình, phụ huynh và nhà trường) * Hậu quả - Thuốc lá điện tử có hại cho cả người dùng và người xung quanh. - Đặc biệt thuốc lá điện tử hấp dẫn với trẻ em và vị thành niên, tăng nguy cơ bắt đầu sử dụng thuốc lá. - Có nguy cơ ngộ độc không chú ý và gây chấn thương do phát nổ - Tiếp xúc lâu sẽ tăng nguy cơ gây các bệnh như ung thư, tim mạch, hô hấp và các bệnh nguy hiểm khác. - Gây hội chứng tổn thương hô hấp cấp, tử vong. * Giải pháp - Đề xuất giải pháp hạn chế tình trạng hút thuốc lá trong học sinh - Nâng cao nhận thức của thế hệ học sinh sau này về tác hại của khói thuốc lá thông qua đẩy mạnh các biện pháp tuyên truyền, phổ biến trong trường học. - Tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức cho học sinh, cha mẹ học sinh, người lớn làm gương cho giới trẻ (không hút thuốc lá điện tử trước mặt trẻ em, hạn chế tiếp xúc với thuốc lá điện tử) - Đồng thời, nhà trường cần phối hợp với gia đình trong việc giáo dục, chăm sóc những thay đổi tâm lý của lứa tuổi vị thành niên. 3. Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề nghị luận - Bài học nhận thức và hành động	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> <i>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</i>	0,5
	<i>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</i>	0,5



MÔN: NGỮ VĂN 8

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng% điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản truyện lịch sử	0	2	0	2	0	1	0	0	40
2	Viết	- Đoạn văn NLXH trình bày ý kiến về một vấn đề - Bài văn phân tích một TPVH (bài thơ tứ tuyệt Đường luật)	0	0	0	0	0	0	0	2	60
Tổng				10	0	20	0	10	0	60	100
Tỉ lệ			10%		20%		10%		60%		
Tỉ lệ chung			30%				70%				

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Văn bản truyện lịch sử	Nhận biết: - Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: bối cảnh, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ. Thông hiểu: - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật, phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. Vận dụng: - Rút ra được những bài học từ văn bản. - Thể hiện sự đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình 1 phần với những vấn đề đặt ra trong văn bản.	2TL	2TL	1TL	
2	Viết	Văn nghị luận	- Viết được đoạn văn NLXH trình bày ý kiến về một vấn đề. - Viết được bài văn phân tích một TPVH (bài thơ tứ tuyệt Đường luật) *Nhận biết: – Xác định được cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ. – Xác định được kiểu bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ; vấn đề nghị luận (chủ đề, những đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) – Giới thiệu tác giả, tác phẩm. *Thông hiểu: – Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ.				2TL

		– Lí giải được một số đặc điểm của thể loại qua tác phẩm. - Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm thơ (chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động. *Vận dụng: – Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ. – Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ; vị trí, đóng góp của tác giả. *Vận dụng cao: – So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. – Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.				
Tổng			2TL	2TL	1 TL	2 TL
Tỉ lệ %			10	20	10	60
Tỉ lệ chung			30		70	

(Đề có 01 trang)

PHẦN I. ĐỌC - HIỂU (4 điểm) Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Gần trưa, Chiêu Minh vương hộ tống nhà vua tiến Trần Quốc Tuấn ra bến Đông làm lễ tế cờ xuất sư. [...] Không khí trang trọng đến tức thở. Nhân Tông vái Trần Quốc Tuấn và phán:

- Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trăm xin trao cho Quốc công.

Trần Quốc Tuấn nghiêm trang đáp lễ:

- Lão thần thê không để nhục mệnh của bệ hạ.

Nhân Tông ban kiếm Thượng Phương, trao quyền chém trước tâu sau cho Trần Quốc Tuấn. Nhà vua chăm chú nhìn vị tướng già và thấy Trần Quốc Tuấn quắc thước lạ lùng.

Từ trên đài cao, Trần Quốc Tuấn lặng nhìn các đội quân hàng ngũ chỉnh tề bên dưới. [...] Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông dư sức gánh sứ mệnh nặng nề. Ông thét lớn:

- Bớ ba quân!

Tiếng dạ vang dậy kinh thành và sông nước. Trần Quốc Tuấn lại thét tiếp:

- Quan gia đã hạ chỉ cho ta lĩnh cờ tiết chế cùng các người xuất sư phá giặc. Kiếm Thượng Phương đây! -Trần Quốc Tuấn nâng cao kiếm lên khỏi đầu.

- Ai trái mệnh, phản dân, hại nước, ta sẽ nghiêm trị không tha.

Quân sĩ lại đồng thanh dạ ran. Nhân Tông vẫy Dã Tượng lại gần, cầm lấy cái gậy trúc xương cá của Trần Quốc Tuấn. Nhà vua ân cần trao cây gậy cho vị tướng già và dặn dò:

- Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trăm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe.

(Trích *Trên sông truyền hịch*, Hà Ân)

Câu 1 (0,5 điểm). Văn bản chứa đoạn trích trên thuộc thể loại gì? Kể tên một văn bản trong chương trình Ngữ văn 8 tập 1 cùng thể loại và cho biết tên tác giả.

Câu 2 (0,5 điểm). Sự việc Vua trao cho Trần Quốc Tuấn quyền chém trước tâu sau cho thấy vua là người như thế nào?

Câu 3 (1 điểm). Có thể hiểu câu dặn dò của vua với Trần Quốc Tuấn "Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trăm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe" như thế nào?

Câu 4 (1 điểm). Em hãy nêu nhận xét của mình về vị tướng già Trần Quốc Tuấn?

Câu 5 (1 điểm). Qua đoạn trích và cách biểu hiện của các nhân vật, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

PHẦN II. VIẾT (6 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Từ đoạn trích trên và những hiểu biết xã hội, hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về lòng yêu nước trong cuộc sống của mỗi con người.

Câu 2 (4 điểm). Viết bài văn phân tích bài thơ sau:

Cảnh khuya

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(Tác giả Hồ Chí Minh – năm 1947)

-----Hết-----

Chúc các em hoàn thành tốt bài thi tốt!

PHẦN	NỘI DUNG	Điểm
PHẦN I	Câu 1: - Thể loại: Truyện lịch sử - HS kể tên đúng văn bản và tác giả VD: Lá cờ thêu sáu chữ vàng - Nguyễn Huy Tưởng	0,25
	Câu 2: Sự việc <i>Vua trao cho Trần Quốc Tuấn quyền chém trước tâu sau</i> cho thấy vua rất tin tưởng vào tài năng cầm quân của Trần Quốc Tuấn, chờ đợi chiến thắng trong cuộc chiến chống giặc Nguyên - Mông.	0,25
	Câu 3: Câu dẫn dò của vua với Trần Quốc Tuấn " <i>Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trẫm họ mà giữ gìn sức khỏe</i> " có ý nghĩa: - Vua mong Trần Quốc Tuấn biết bảo trọng thân thể vì vua, vì đất nước. - Vua lo lắng, yêu mến, kính trọng Trần Quốc Tuấn, mong Trần Quốc Tuấn bình an trở về.	0,5
	Câu 4: Trần Quốc Tuấn là một vị tướng giỏi, uy nghi, dũng mãnh. Ông được các vua thời Trần tin nhiệm, nhân dân yêu mến, là con người suốt cả đời theo nghiệp nhà binh, bảo vệ đất nước bao phen khỏi kẻ thù xâm lược, đã từng đánh thắng giặc Nguyên Mông lần thứ nhất vào năm 1257, lần thứ hai vào năm 1285, lần thứ ba vào năm 1288.	0,5
	Câu 5: HS rút ra bài học có ý nghĩa cho bản thân, phù hợp chuẩn mực đạo đức. Đây là định hướng: - Chúng ta cần phải sống và làm việc hết mình vì đất nước. - Phải đặt lợi ích, vận mệnh dân tộc lên mọi lợi ích khác. - Dù là ở cương vị cao hơn cũng luôn phải tôn trọng người lớn tuổi, người có tài. - Khi làm việc gì cũng luôn cần sự tự tin và quyết tâm.	1,0
PHẦN II Câu 1 (2,0 đ)	- Hình thức + Trình bày đúng hình thức đoạn văn, đủ số câu. + Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, không mắc lỗi dùng từ diễn đạt, liên kết chặt chẽ.	0,5đ
	- Nội dung: * Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận: Lòng yêu nước. * Thân đoạn - <i>Giải thích:</i> Lòng yêu nước là tình yêu đối với quê hương, đất nước, là hành động, là không ngừng nỗ lực để xây dựng và phát triển đất nước. Lòng yêu nước là một tình cảm thiêng liêng, cao quý của mỗi người dành cho đất nước mình. - <i>Bàn luận</i> + Ý nghĩa, vai trò của lòng yêu nước: Là bệ đỡ tinh thần cho con người: là nguồn cảm hứng bất tận cho các nghệ sĩ; giúp đồng bào luôn vững tâm tiến bước (Kiêu bào luôn hướng về tổ quốc; Con người khi về già đều muốn trở về nơi chôn rau cắt rốn). . Chính lòng yêu nước đã bồi dưỡng tâm hồn những con người nước Việt trở nên vững vàng, mạnh mẽ trong hành trình sống khắc nghiệt.	1,5đ

[illegible]

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm): Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi

THU ẨM (Mùa thu uống rượu)

Năm gian nhà cỏ thấp le te,
Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè.
Lung giậu phát phơ màu khói nhạt,
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?
Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.
Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy.
Độ năm ba chén đã say nhè.

(Nguyễn Khuyến*, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập IV, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1963*)

* **Chú thích :** Nguyễn Khuyến (1835-1909), tên thật là Nguyễn Thắng, tự là Miếu Chi, hiệu là Quế Sơn, quê Yên Đỗ, Bình Lục, Hà Nam. Ông là người thông minh, học giỏi, đỗ đầu cả ba kỳ thi nên thường được gọi là “Tam nguyên Yên Đỗ”. Ông ra làm quan, làm đến chức Sơn Hưng Tuyên tổng đốc. Khi thực dân Pháp xâm lược, ông tỏ thái độ bất hợp tác và sau đó cáo quan về ở ẩn. Bài thơ được ra đời trong khoảng thời gian này, đất nước trải qua nhiều khó khăn, dân chúng lâm than... Vì uất ức và đau xót ông đã mượn rượu làm thơ.

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định thể thơ của văn bản trên. Thông thường, bố cục của một bài thơ viết theo thể thơ này được quy định như thế nào?

Câu 2. (1,0 điểm) Chỉ rõ nghệ thuật đối về hình ảnh và nhịp thơ trong hai câu ba, bốn của bài thơ.

Câu 3. (2,0 điểm) Vẻ đẹp bức tranh mùa thu đất Bắc được tác giả gợi tả qua những hình ảnh, màu sắc, không gian nào? Nêu ý nghĩa của những chi tiết, hình ảnh ấy.

Câu 4. (1,0 điểm). Bài thơ và phần chú thích giúp em hiểu gì về vẻ đẹp tâm hồn của tác giả?

Câu 5. (1,0 điểm) Trong cuộc sống, không phải lúc nào mọi việc cũng diễn ra như ta mong muốn. Theo em, để cân bằng cảm xúc, trạng thái tinh thần trong những lúc đó chúng ta cần phải làm gì (đề xuất ít nhất 02 giải pháp)?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm):

Từ xưa đến nay, thiên nhiên không chỉ là bạn đồng hành mà còn là nơi nuôi dưỡng tâm hồn con người. Bằng bài văn nghị luận khoảng 400 chữ hãy trình bày suy nghĩ của em về vấn đề:

Bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống quanh ta - trách nhiệm không của riêng ai!

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I LỚP 8

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	1	- Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật - Bố cục chia làm 4 phần: Đề (câu 1,2), Thực (câu 3,4), Luận (câu 5,6), Kết (câu 7,8)	1,0
	2	HS chỉ rõ phép đối trong hai câu thực: <i>Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,</i> <i>Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.</i> + Đối về hình ảnh: <i>lưng giậu</i> > < <i>làn ao</i> , <i>phất phơ</i> > < <i>lóng lánh</i> , <i>màu khói nhạt</i> > < <i>bóng trăng loe</i> + Đối về nhịp thơ: 4/3	1,0
	3	- Các chi tiết về hình ảnh, màu sắc, không gian được tác giả sử dụng để gợi tả bức tranh mùa thu đất Bắc: + Hình ảnh gần gũi, bình dị: gian nhà cỏ, ngõ tối, lưng giậu, làn ao, bầu trời... + Màu sắc vừa mờ ảo vừa đậm nét: (Ngõ) tối, (đêm) sâu, (đóm) lập lòe, (khói) nhạt, (làn ao) lóng lánh, (da trời) xanh ngắt + Không gian hẹp đến cao rộng: nhà cỏ thấp, ngõ tối, làn ao, da trời xanh ngắt - Học sinh diễn đạt khác nhau song cơ bản nêu được ý nghĩa: + Bài thơ thêm sinh động, ấn tượng, gợi hình gợi cảm. + Khắc họa rõ nét vẻ đẹp yên bình, tĩnh lặng mang đậm nét đặc trưng của thiên nhiên mùa thu vùng quê ở đồng bằng Bắc bộ song có nét đượm buồn bởi cái nghèo. + Cho thấy tình yêu, sự gắn bó của tác giả với cuộc sống dân dã thôn quê + Từ đó bồi đắp trong ta tình yêu thiên nhiên, trân trọng những vẻ đẹp bình dị trong cuộc sống.	2,0
	4	Học sinh diễn đạt khác nhau song cơ bản nêu được: + Tâm hồn nhà thơ nhạy cảm, tinh tế. + Tình yêu quê hương, đất nước, yêu thiên nhiên mùa thu đất Bắc. + Nỗi buồn, trăn trở về đất nước, thời cuộc.	1,0
	5	HS nêu được ít nhất 02 giải pháp, có lập luận, làm rõ hiệu quả của giải pháp. - Chia sẻ những vấn đề của mình với bạn bè, người thân để giúp ta vơi bớt nỗi buồn. - Tìm đến thiên nhiên giúp mọi cảm xúc lắng dịu, bình tĩnh hơn. - Thực hiện một hoạt động lành mạnh như đọc sách, nghe nhạc, chơi thể thao giúp ta thư giãn, giảm căng thẳng lo âu...	1,0
II		Bài văn	
		<i>a. Đảm bảo độ dài, cấu trúc bài nghị luận:</i> + Độ dài: khoảng 400 chữ + Bố cục ba phần: Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0,5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> trách nhiệm của mỗi người trong việc bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống.	0,25

	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề: <i>Bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống quanh ta- trách nhiệm không của riêng ai!</i> * Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích: + Thiên nhiên là tất cả những gì tồn tại một cách tự nhiên trên Trái Đất, không do con người tạo ra (đất, nước, không khí, tài nguyên, khí hậu, ...) + Môi trường bao gồm cả yếu tố tự nhiên và nhân tạo có ảnh hưởng đến sự sống và phát triển của con người. -> Khẳng định vai trò cũng như nhấn mạnh trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên và môi trường của mỗi người. - Thực trạng và hậu quả của ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên: Môi trường đang bị tàn phá nghiêm trọng do lối sống của con người dẫn đến những hậu quả: + Ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, cuộc sống của con người + Phá hủy hệ sinh thái. + Biến đổi khí hậu. + Thiên tai, dịch bệnh - Nguyên nhân: Ý thức bảo vệ môi trường còn hạn chế, khai thác tài nguyên bừa bãi, hoạt động sản xuất công nghiệp chưa được kiểm soát vv... - Bàn luận: *Vì sao bảo vệ thiên nhiên và môi trường không phải trách nhiệm của riêng ai? + Thiên nhiên đảm bảo sự sống của tất cả chúng ta, bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ cuộc sống của mỗi người. + Môi trường là tài sản chung của nhân loại, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của mỗi người đối với thế hệ tương lai... + Môi trường là nền tảng cho sự phát triển: môi trường lành mạnh là điều kiện cần thiết cho sự phát triển bền vững. *Bằng chứng: HS đưa ra bằng chứng phù hợp * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học nhận thức và hành động, thông điệp + Hàng ngày, chúng ta có thể giảm thiểu sử dụng túi nilon, phân loại rác thải, tiết kiệm nước và điện, sử dụng sản phẩm tái chế ... + Tham gia các hoạt động trong cộng đồng để bảo vệ môi trường: trồng cây, dọn dẹp môi trường, tuyên truyền về bảo vệ môi trường.	3,0
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25

UBND HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG THCS VẠN PHÚC

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKII
Môn: Ngữ văn 8
Thời gian: 90 phút

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng% điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản truyện ngắn	0	1	0	2	0	1	0	0	40
2	Viết	- Đoạn văn NLXH trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	60
		- Bài văn phân tích một tác phẩm truyện	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	
Tổng			0	25	0	35	0	25	0	15	100
Tỉ lệ			25%		35%		25%		15%		100%
Tỉ lệ chung			60%				40%				100%

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Văn bản truyện ngắn	Nhận biết: - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trong tính chính thể của tác phẩm văn học Thông hiểu: - Phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật, phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. Vận dụng: - Rút ra được những bài học từ văn bản. - Thể hiện sự đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình 1 phần với những vấn đề đặt ra trong văn bản.	1TL	2TL	1TL	
2	Viết	Văn nghị luận	- Viết được đoạn văn NLXH về một vấn đề đời sống. - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm truyện: *Nhận biết: – Xác định được cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện ngắn. – Xác định được kiểu bài phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện; vấn đề nghị luận (chủ đề, những đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) – Giới thiệu tác giả, tác phẩm. *Thông hiểu:	2TL*	2TL*	2TL*	2TL*

		– Phân tích được nội dung của tác phẩm để làm rõ chủ đề. – Lí giải được một số đặc điểm của thể loại qua tác phẩm. - Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm truyện (chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng). *Vận dụng: – Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm truyện. – Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm truyện; vị trí, đóng góp của tác giả. *Vận dụng cao: – So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. – Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.				
	Tổng		3TL	4TL	3 TL	2 TL
	Tỉ lệ %		25	35	25	15
	Tỉ lệ chung		60		40	

(Đề có 02 trang)

PHẦN I. ĐỌC - HIỂU (4 điểm) Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

CÚC ÁO CỦA MẸ

Cậu còn nhớ sinh nhật 12 tuổi. Vừa sáng tinh mơ, đã nghe thấy mẹ nói: “Con trông đây là cái gì?”. Cậu mở to mắt, trước mặt là một chiếc áo mới, kiểu quân phục như cậu từng mơ ước, hai hàng cúc đồng, trên vai áo có ba vạch màu xanh, đó là một quần áo “thịnh hành” trong học sinh. Cậu bỗng mừng rơn, vội mặc áo quần. Cậu muốn đến lớp, ra oai với các bạn. Từ nhỏ đến lớn, cậu toàn mặc quần áo cũ của anh, vá chằng vá đụp nữa! Quả nhiên đúng như dự kiến, khi cậu bước vào lớp, ánh mắt của các bạn đều trở lên. Các bạn đều không ngờ được rằng, cậu bạn lúc nào cũng mặt mày lọ lem, đầu bù tóc rối bụi bặm cũng có lúc vẻ vang rạng rỡ như thế.

Cậu hoàn thành tiết học đầu tiên một cách vui vẻ, hời hợt hời dợt. Trong giờ giải lao, các bạn đều vây quanh cậu. Có bạn bỗng hỏi: “Ô hay! Tại sao khuy áo của bạn không giống của chúng mình nhỉ?”

Lúc ấy, cậu mới nhìn kỹ cúc áo của mình, quả thật không giống cúc áo của người khác, hai dây thẳng đứng. Còn cúc áo của cậu lại nghiêng lệch, hai dây xếp thành hình chữ “vê” (V).

Các bạn bỗng đều cười òa lên. Thì ra, chỗ đính khuy trên chiếc áo trắng của cậu là một miếng vải cũ màu vàng. Cậu cũng hiểu ra, chắc là mảnh vải mẹ mua không đủ may áo, đành phải lót bên trong bằng mảnh vải khác, sợ người khác nhìn thấy cúc áo đành phải đính sang bên cạnh. Và cũng để người khác không nhìn thấy, mẹ đã khéo léo đính chéo hàng cúc kia, tự nhiên thành hình chữ “vê” (V).

Biết rõ sự thực, các bạn lại giễu cợt, khiến cho lửa giận bốc lên ngùn ngụt trong lòng cậu. Buổi trưa về đến nhà, cậu cắt nát vụn chiếc áo mới của mình. Mẹ cậu lao đến trước mặt con, giơ cao tay, nhưng cuối cùng không giáng xuống. Cậu liếc nhìn, thấy nước mắt mẹ chảy quanh trong khóe mắt, vội quay đầu chạy biến...(...) Từ hôm ấy trở đi, mẹ làm việc ít nghỉ tay. Cậu tận mắt thấy mẹ gầy sọp đi, thấy mẹ nằm bẹp rồi ra đi mãi mãi... Cậu rất muốn nói một câu: “Con xin lỗi mẹ”, mà không còn cơ hội nữa. Sau này, cậu cố gắng học tập, cậu có rất nhiều, rất nhiều tiền, rồi sửa sang phần mộ của mẹ nhiều lần. Một hôm, cậu tham gia một cuộc trình diễn thời trang của nhà thiết kế bậc thầy. Có một người mẫu nam bước lên sàn diễn khiến mắt cậu bỗng căng lên, đầu óc kêu ong ong hỗn loạn. Bộ áo màu trắng với hai dây khuy đồng hình chữ “vê” (V). Bên trong có phải là...? Cậu không làm chủ được mình, lao lên sàn diễn, lật ra xem tấm áo của người mẫu nam, lót bên trong tự nhiên cũng là một mảnh vải vàng! Cậu quỳ sụp trước mặt người mẫu nam, òa khóc thống khổ.

Sau khi nghe cậu kể hết câu chuyện, tất cả những người có mặt tại hội trường đều trầm ngâm suy nghĩ mãi. Cuối cùng, một nhà thiết kế bậc thầy nói: “Thực ra, tất cả những người mẹ đều là các nhà nghệ thuật!”.

(Nhất Băng, Trung Quốc)

(Vũ Phong Tào dịch, Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 3/2011, tr.45-46)

Chú thích: Nhất Bổng (Trung Quốc) là nhà văn nổi tiếng với các tác phẩm viết về đề tài gia đình, tình cảm gia đình và những giá trị truyền thống của xã hội Trung Quốc. Ông thường khai thác sâu sắc mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, nhấn mạnh đến tình mẫu tử, phụ tử thiêng liêng và ý nghĩa của tình thân trong cuộc sống. Những tác phẩm của ông thường mang tính nhân văn cao, để lại bài học sâu sắc về đạo đức và nhân sinh.

Câu 1 (1.0 điểm). Văn bản trên gồm những nhân vật nào? Xác định và nêu tác dụng của việc sử dụng ngôi kể của văn bản.

Câu 2 (0.5 điểm). Giải thích ý nghĩa cụm từ “hỏi lòng hỏi dạ”?

Câu 3 (1.5 điểm). Trong truyện ngắn trên, chi tiết “*chiếc áo có hàng cúc hình chữ “vê” (V)*” xuất hiện khi nào? Chi tiết đó có ý nghĩa gì?

Câu 4 (1.0 điểm). Em rút ra được những bài học gì sau khi đọc truyện ngắn trên?

PHẦN II. VIẾT (6 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm). Trong cuộc sống, chúng ta không thể tránh khỏi việc mắc phải lỗi lầm (chỉ là lớn hay nhỏ mà thôi). Những lúc đó rất cần có lời xin lỗi chân thành. Hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của lời xin lỗi.

Câu 2 (4.0 điểm). Viết bài văn khoảng 400 chữ phân tích truyện ngắn trên.

-----Hết-----

Chúc các em hoàn thành tốt bài thi !

PHẦN	NỘI DUNG	Điểm
PHẦN I (4 điểm)	Câu 1: Truyện ngắn gồm các nhân vật: “cậu”, mẹ, các bạn, người mẫu nam, nhà thiết kế, mọi người xem. Truyện được kể theo ngôi thứ ba Tác dụng của việc sử dụng ngôi thứ ba: người kể chuyện giấu mình đi và gọi tên các nhân vật theo tên. Cách kể này giúp người kể có thể kể chuyện một cách linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật, truyện được đánh giá một cách khách quan, tự nhiên.	0,25đ 0,25đ 0,5đ
	Câu 2: ý nghĩa của cụm từ “hồi lòng hồi dạ”: vui vẻ, thỏa mãn, hài lòng vì được như ý muốn.	0,5đ
	Câu 3: - Hình ảnh chiếc áo có hàng cúc hình chữ “vê” (V) xuất hiện khi “cậu” sinh nhật 12 tuổi được mẹ may cho chiếc áo mới và khi mẹ “cậu” đã mất, trong buổi biểu diễn thời trang, người mẫu nam đã mặc chiếc áo giống hệt chiếc áo mà mẹ đã may cho “cậu”. - Ý nghĩa: + Hình ảnh chiếc áo có hàng cúc chữ “vê” xuất hiện ở phần đầu tác phẩm cho thấy sự khéo léo của người mẹ nghèo khó nhưng rất mực yêu thương, chăm lo cho con. + Chiếc áo có hàng cúc hình chữ “vê” (V) trở lại ở cuối tác phẩm, trong triển lãm thời trang càng làm cho nhân vật người con thêm ân hận, day dứt. Chi tiết này đã góp nhấn mạnh tình mẫu tử và ý nghĩa của việc hiếu và trân trọng người thân yêu trong cuộc sống.	0,5đ 1đ
	Câu 4: Bài học - Truyện ngắn nhắc nhở chúng ta về tình yêu và sự hy sinh vô điều kiện của mẹ dành cho con. - Hãy biết ơn và trân trọng những người thân yêu xung quanh mình. - Cần biết suy nghĩ thấu đáo trước khi hành động để tránh xảy ra sai lầm đáng tiếc. (HS rút ra 2 bài học trở lên được điểm tối đa)	1đ
	PHẦN II Câu 1 (2,0 đ) - Hình thức + Trình bày đúng hình thức đoạn văn, đảm bảo bố cục bài làm + Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, không mắc lỗi dùng từ diễn đạt, liên kết chặt chẽ. - Nội dung * Mở đoạn : Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của lời xin lỗi * Thân đoạn - Giải thích: "Xin lỗi": là hành động tự nhận khuyết điểm, sai lầm về mình, mong muốn được đền bù thiệt hại và tha thứ từ người bị ta làm tổn thương,thiệt hại.	0,5đ

	- Biểu hiện: + Luôn chủ động mở lời xin lỗi, tự nhận khuyết điểm về mình khi gây ra một lỗi lầm, hoặc một hành động sai trái gây ra hậu quả nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến người khác + Tích cực tìm cách khắc phục hậu quả đã gây ra + Biết nhận thấy sai lầm của mình và mong muốn được khắc phục - Ý nghĩa của lời xin lỗi: + Xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn hóa của con người, là hành vi văn minh, lịch sự trong quan hệ xã hội và thái độ tôn trọng con người. + Lời xin lỗi chân thành phản ánh phẩm chất văn hóa của cá nhân, giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn. + Lời xin lỗi chân thành có thể cứu vãn được sự việc đáng tiếc có thể đã xảy ra, tránh được những tổn thất về vật chất và tinh thần. + Lời xin lỗi chân thành làm cho người được xin lỗi thấy dễ tha thứ hơn, giúp hàn gắn những chia rẽ và hận thù do những lỗi lầm ấy gây nên. + Biết nói lời xin lỗi giúp cho cuộc sống của chúng ta được an lành, hạnh phúc hơn. - Mở rộng vấn đề: Một phần đáng kể trong cộng đồng là những người sống chủ quan, lợi ích bản thân, hẹp hòi, chỉ quan tâm đến bản thân, ko biết nhận lỗi và sửa lỗi hoặc có xin lỗi cũng là qua loa đại khái, ko chân thành... Họ là những người đáng lên án, phê phán. - Bài học nhận thức và hành động: + Biết sống chân thành, tôn trọng, quý trọng người khác, thành thật nhận khuyết điểm về mình, không được né tránh trách nhiệm hay ngụy biện về hành động của mình + Lời xin lỗi phải xuất phát từ đáy lòng mới thật sự hữu dụng * Kết đoạn: Khái quát ý nghĩa của vấn đề nghị luận.	1,5đ
Câu 2 (4.0 điểm)	1. Hình thức + Trình bày đúng hình thức bài văn, đảm bảo bố cục bài làm + Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, không mắc lỗi dùng từ diễn đạt, liên kết chặt chẽ. 2. Nội dung * Mở bài: (0,5) - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, nhận định chung về nội dung, nghệ thuật của truyện. * Thân bài: (2) - Phân tích được nội dung của truyện. - Phân tích được đề tài của truyện. - Phân tích được đặc sắc nghệ thuật trong truyện (có dẫn chứng). * Kết bài: (0,5) - Khẳng định vị trí và ý nghĩa của truyện <i>GV chấm lưu ý đánh giá điểm cho bài làm của học sinh biết lấy dẫn chứng để làm sáng tỏ luận điểm và biết liên hệ, đối sánh để bài viết thêm sâu sắc.</i>	1đ 3đ



MÔN: NGỮ VĂN 9

(Đề có 02 trang)

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm). Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi

(...)Ba mươi năm đời ta có Đảng
Hôm nay ôn lại quãng đường dài...
Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay
Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm
Mùa xuân đó, con chim én mới
Rộn đồng chiêm, chấp chới trời xanh
Đời ta gương vỡ lại lành
Cây khô cây lại đâm cành nở hoa.
(...)
Đường thông nhất chân ta bước gập
Miền Bắc ta xây đắp nhanh tay
Năm năm mới bấy nhiêu ngày
Mà trông trời đất đổi thay đã nhiều...
Dân có ruộng, dập diu hợp tác
Lúa mượt đồng, ấm áp làng quê
Chiêm mùa, cò đỗ ven đê
Sớm trưa tiếng trống đi về trong thôn
Màu áo mới nâu non nắng chói
Mái trường tươi roi rói ngói son
Đã nghe nước chảy lên non
Đã nghe đất chuyển thành con sông dài
Đã nghe gió ngày mai thổi lại
Đã nghe hồn thời đại bay cao...

(Trích *Ba mươi năm đời ta có Đảng**, Tố Hữu, tập *Gió lộng*)

*** Chú thích:** Tố Hữu (1920 – 2002) quê ở làng Phù Lai, Quảng Thọ, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế. Ông là một trong những nhà thơ tiêu biểu trong thời kỳ cách mạng. Bài thơ “Ba mươi năm đời ta có Đảng” được Tố Hữu viết vào đầu năm 1960, kỉ niệm lần sinh nhật thứ ba mươi của Đảng. Bài thơ tái hiện lại ba mươi năm lịch sử của Đảng, khẳng định vai trò to lớn của Đảng, dẫn dắt dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, cuộc sống của nhân dân cũng ngày càng ấm no, tươi sáng. Không chỉ ca ngợi công lao, vinh quang của Đảng, thi phẩm còn là tiếng cảm ơn chân thành, thấm thía của tác giả đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 1 (1,0 điểm). Văn bản trên được viết theo thể thơ gì? Dấu hiệu nào giúp em xác định thể thơ đó?

Câu 2 (2.0 điểm). Hãy chỉ ra các hình ảnh của thiên nhiên xuất hiện trong đoạn thơ thứ nhất và nêu ý nghĩa của những hình ảnh đó.

Câu 3 (1,0 điểm). Hai câu thơ sau gợi em nhớ tới truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc? Em thấy mình cần làm gì để góp phần phát huy truyền thống đó?

Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay

Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích đoạn thơ in đậm trong ngữ liệu ở phần đọc hiểu để thấy được bức tranh cuộc sống đang thay da đổi thịt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 2 (4,0 điểm).

Cuộc sống ngày càng đổi thay, phát triển không ngừng đòi hỏi mỗi con người phải nhanh chóng bắt nhịp để đạt tới thành công. Thích nghi với hoàn cảnh chính là hành trang mỗi bạn trẻ cần mang theo trong cuộc sống hôm nay. Hãy viết bài văn nghị luận khoảng 400 chữ nêu suy nghĩ của em về việc: ***Làm thế nào thích nghi với mọi hoàn cảnh để thành công luôn đến với chúng ta?***

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	1	- Thể thơ: song thất lục bát - Dấu hiệu: Số chữ trong các dòng thơ: hai dòng thơ 7 chữ đi cùng hai dòng thơ 6-8 chữ	0,5 0,5
	2	- Học sinh xác định được các hình ảnh của thiên nhiên xuất hiện trong đoạn thơ thứ nhất: chim én, đồng chiêm, trời xanh, cây đâm cành nở hoa... - Học sinh diễn đạt khác nhau song cơ bản nêu được ý nghĩa của những hình ảnh đó: + Khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên tươi sáng, tràn đầy sức sống vào mùa xuân. + Ẩn dụ cho cuộc sống mới đang phát triển, tươi đẹp + Thể hiện cảm xúc vui tươi, tin tưởng và tình yêu cuộc sống của tác giả.	0,5 1,5
	3	- Hai câu thơ sau gợi nhớ tới truyền thống tốt đẹp của dân tộc: Truyền thống biết ơn, uống nước nhớ nguồn. - HS nêu được những việc cần làm để phát huy truyền thống đó (tối thiểu 2 việc làm). VD: + Học tập, lao động để giữ gìn và phát huy thành quả của cha ông. + Chăm sóc người có công, mẹ Việt Nam anh hùng. + Dọn dẹp nghĩa trang liệt sĩ. ...	1,0
II	1	Đoạn văn	2,0
		<i>a. Đảm bảo dung lượng, cấu trúc đoạn văn phân tích một đoạn thơ:</i> + Dung lượng: khoảng 200 chữ + Cấu trúc đoạn văn: Mở đoạn giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn thơ và nội dung chủ đề, đặc sắc nghệ thuật; thân đoạn phân tích làm rõ được nội dung chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ; kết đoạn khái quát, tổng hợp lại.	0,5
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu phân tích:</i> phân tích nội dung chủ đề, đặc sắc nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của một số yếu tố nghệ thuật trong đoạn thơ: <i>c. HS có nhiều cách diễn đạt khác nhau song cần phân tích bám sát các dấu hiệu nghệ thuật và nội dung của đoạn thơ. Gợi ý:</i> * Nội dung chủ đề: Bức tranh cuộc sống đang thay da đổi thịt dưới dự lãnh đạo của Đảng. * Đặc sắc nội dung và nghệ thuật: - Cuộc sống nông thôn đang đổi mới, ấm no, phát triển: + Các hình ảnh “dân có ruộng, lúa mướt đồng, màu áo mới, mái trường tươi”, các tính từ, từ láy “dập dìu, ấm áp, nâu non, roi rói...”, âm thanh “tiếng trống” tươi vui, yên bình.	1,25

	+ Đặc biệt hình ảnh “cờ đỏ ven đê” biểu tượng cho cách mạng, sự lãnh đạo của Đảng để mang về một cuộc sống hòa bình, hạnh phúc cho nhân dân. - Sự chuyển mình, đổi thay kì diệu của đất nước: + Các hình ảnh có tính biểu tượng: nước chảy lên non, đất chuyển thành con sông dài, gió ngày mai thổi lại, hồn thời đại bay cao...: vừa diễn đạt sự đổi thay của tự nhiên dưới bàn tay lao động sáng tạo của con người vừa thể hiện niềm tự hào, niềm tin tưởng vào sự chuyển mình, phát triển của thời đại, của đất nước. + NT: ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, điệp ngữ “đã nghe”, phép liệt kê -> Đoạn thơ làm nổi bật vẻ đẹp của cuộc sống mới hòa bình, ấm no, phát triển và thể hiện cảm xúc hân hoan, vui sướng, biết ơn của tác giả. Từ đó bồi đắp trong mỗi chúng ta tình yêu đất nước, lòng biết ơn Đảng, ý thức trách nhiệm xây dựng quê hương giàu đẹp.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. <i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đoạn thơ, có cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ.	0,25
2	Bài văn	4,0
	<i>a. Đảm bảo độ dài, cấu trúc bài nghị luận:</i> + Độ dài: khoảng 400 chữ + Bố cục ba phần: Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,5
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> “Làm thế nào thích nghi với mọi hoàn cảnh để thành công luôn đến với chúng ta?”.	0,25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề: “Làm thế nào thích nghi với mọi hoàn cảnh để thành công luôn đến với chúng ta?”. * Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích: Thích nghi: khả năng thích ứng, làm chủ mọi hoàn cảnh, mọi biến động của cuộc sống. - Thực trạng và kết quả: + Cuộc sống hiện đại với nhịp sống nhanh, sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ... dẫn đến những đổi thay, tác động nhiều mặt đến cuộc sống đòi hỏi con người phải nhanh chóng bắt nhịp với sự phát triển và thay đổi đó.	3,0

	+ Biết thích nghi, làm chủ hoàn cảnh, bạn sẽ chủ động vượt qua những biến đổi, thử thách, sẽ làm chủ được cuộc sống của mình, ngày càng tiến bộ, tạo nên những giá trị tốt đẹp cho cuộc sống. + Ngược lại, không có khả năng thích nghi với hoàn cảnh, bạn sẽ tụt hậu, thất bại... - Làm thế nào để có khả năng thích nghi với mọi hoàn cảnh: <i>Học sinh có thể nêu các giải pháp khác nhau, song cần nêu cụ thể từng giải pháp, cách thực hiện, ý nghĩa (tối thiểu nêu 02 giải pháp). VD</i> + Tích cực học tập, lao động, tham gia các hoạt động trải nghiệm để tích lũy tri thức, kinh nghiệm, có khả năng làm chủ hoàn cảnh, xử lý các tình huống, ứng biến với mọi hoàn cảnh, sự đổi thay... + Rèn luyện bản lĩnh, ý chí để vững vàng vượt qua mọi thử thách, trở ngại. + Xây dựng kế hoạch và kiên trì thực hiện kế hoạch, có các phương án dự phòng cho các tình huống khác nhau để không bị động. + Thích nghi không có nghĩa là đánh mất mình, đánh mất những giá trị truyền thống, bền vững không thể thay đổi... * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học nhận thức và hành động, thông điệp	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. <i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25

UBND HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG THCS VẠN PHÚC

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKII

Môn: Ngữ văn 9

Thời gian: 90 phút

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng% điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ hiện đại	0	1	0	2	0	1	0	0	40
2	Viết	- Đoạn văn phân tích một đoạn thơ/ bài thơ hiện đại.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	60
		- Bài văn NLXH trình bày ý kiến về một vấn đề.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	
Tổng			0	25	0	35	0	25	0	15	100
Tỉ lệ			25%		35%		25%		15%		100%
Tỉ lệ chung			60%				40%				100%

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ hiện đại	Nhận biết: - Nhận biết được một số yếu tố của thơ như: thể thơ, bố cục, vần, nhịp, đối..... Thông hiểu: - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật, phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Hiểu được đặc điểm và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ. Vận dụng: - Rút ra được những bài học từ văn bản. - Thể hiện sự đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình 1 phần với những vấn đề đặt ra trong văn bản.	2TL	2TL	1TL	
2	Viết	Văn nghị luận	- Viết được đoạn văn phân tích một đoạn thơ, bài thơ hiện đại. - Viết được bài văn NLXH trình bày ý kiến về một vấn đề *Nhận biết: – Xác định được cấu trúc đoạn văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ/ Bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống. – Xác định được kiểu bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ; vấn đề nghị luận (chủ đề, những đặc sắc về	2TL*	2TL*	2TL*	2TL*

		hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) – Giới thiệu tác giả, tác phẩm. *Thông hiểu: – Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ. – Lí giải được một số đặc điểm của thể loại qua tác phẩm. - Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm thơ (chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động. *Vận dụng: – Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ. – Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ; vị trí, đóng góp của tác giả. *Vận dụng cao: – So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. – Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn/ bài văn giàu sức thuyết phục.				
Tổng			3TL	4TL	3 TL	2 TL
Tỉ lệ %			25	35	25	15
Tỉ lệ chung			60		40	

(Đề có 01 trang – 6 câu)

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) Đọc đoạn thơ sau:

MÙA THU MỚI

(1) Yêu biết mấy, những dòng sông bát ngát
Giữa đôi bờ rào rạt lúa ngô non
Yêu biết mấy, những con đường ca hát
Qua công trường mới dựng mái nhà son!

(2) Yêu biết mấy, những bước đi dằng dứng
Của đời ta chập chững buổi đầu tiên
Tập làm chủ, tập làm người xây dựng
Dám vươn mình, cai quản lại thiên nhiên!

(3) Yêu biết mấy, những con người đi tới
Hai cánh tay như hai cánh bay lên
Ngực dám đón những phong ba dữ dội
Chân đạp bùn không sợ các loài sên!...

(Trích Mùa thu mới, Tố Hữu, Thơ Tố Hữu, NXB Văn học, 1998, tr. 204-205)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (1,0 điểm). Đoạn thơ trên viết theo thể thơ nào? Em căn cứ vào đâu để xác định thể thơ đó.

Câu 2 (0,5 điểm). Ghi lại những hình ảnh diễn tả vẻ đẹp của quê hương, đất nước trong khổ thơ (1).

Câu 3 (1,5 điểm). Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong khổ thơ thứ (1).

Câu 4 (1,0 điểm). Theo em, thế hệ trẻ ngày nay cần làm gì để thể hiện tình yêu quê hương, đất nước?

II . PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn khoảng 200 chữ phân tích khổ thơ (3) được trích trong phần Đọc – hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm). Viết bài văn nghị luận đề xuất giải pháp khắc phục tình trạng lừa đảo qua mạng Internet.

-----Hết-----

Chúc các em hoàn thành tốt bài thi !

Xác nhận của BGH

Duyệt của tổ trưởng chuyên môn

Phạm Thị Đức Hạnh

Lã Thúy Hạnh